

Số: 3532 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức và người lao động năm 2024
của Trường Đại học Vinh

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT, ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh; Nghị quyết số 38/NQ-HĐT ngày 25/10/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023 của Hội đồng trường Ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ kết quả tuyển dụng viên chức và người lao động năm 2024 của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức và người lao động năm 2024 của Trường Đại học Vinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng viên chức và người lao động năm 2024 của Trường Đại học Vinh có nhiệm vụ thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Tổ chức Cán bộ, Hành chính Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy (để b/c),
- Hội đồng trường (để b/c);
- Đăng website, iOffice;
- Lưu: TCCB, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG  

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



DANH SÁCH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 8532 /TB-ĐHV, ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Họ và tên	Số BD	Ngày sinh	Giới tính	Quê quán	Vị trí dự tuyển	Chức danh chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Điểm kiểm tra, sát hạch Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm Vòng 2	Kết quả chung	Ghi chú
1.	Ngô Thị Cẩm Vân	11	20.09.1996	Nữ	Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Bộ môn Biên phiên dịch tiếng Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Giảng viên	Không	Đạt	85,25		85,25	Trúng tuyển	
2.	Văn Thị Hà	58	18.01.1997	Nữ	Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Bộ môn Kỹ năng tiếng Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Giảng viên	Không	Đạt	80		80	Trúng tuyển	
3.	Đậu Thị Thanh Hằng	47	20.12.1997	Nữ	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Bộ môn Kỹ năng tiếng Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Giảng viên	Không	Đạt	48		48	Không đạt	Điểm thi dưới 50 điểm
4.	Nguyễn Thị Dương Ngọc	40	30.06.1997	Nữ	Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Bộ môn PPGD tiếng Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Giảng viên	Không	Đạt	91,5		91,5	Trúng tuyển	
5.	Nguyễn Nguyệt Anh	18	25.07.2002	Nữ	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Bộ môn PPGD tiếng Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Trợ giảng	Không	Đạt	76		76	Trúng tuyển	
6.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	37	04.06.2002	Nữ	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Bộ môn PPGD tiếng Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Trợ giảng	Không	Đạt	75		75	Trúng tuyển	
7.	Lê Văn Dương	14	26.01.2002	Nam	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến	Chuyên viên	Không	Đạt	88		88	Trúng tuyển	
8.	Đinh Thị Lệ Chi	10	28.04.1998	Nữ	Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	Không	Đạt	72,4		72,4	Trúng tuyển	
9.	Nguyễn Duy Anh	06	11.08.2001	Nam	Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	Không	Đạt	70,9		70,9	Trúng tuyển	

10.	Lưu Thị Thu Hương	59	16.09.1985	Nữ	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	Không	Đạt	66		66	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 3 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 2 chỉ tiêu)
11.	Vương Thị Huyền	60	02.11.1990	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	Không	Đạt	60,4		60,4	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 4 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 2 chỉ tiêu)
12.	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	16	06.03.1986	Nữ	Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
13.	Bành Thị Hồng Thương	20	24.08.2002	Nữ	Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
14.	Hồ Thị Nguyên	27	30.07.1997	Nữ	Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Chuyên viên	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
15.	Phạm Đức Anh	31	01.11.1995	Nam	Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Phòng Quản trị và Đầu tư	Chuyên viên	Không	Đạt	75,2		75,2	Trúng tuyển	
16.	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	04	01.02.1997	Nữ	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Phòng Tổ chức Cán bộ	Chuyên viên	Không	Đạt	77,8		77,8	Trúng tuyển	
17.	Ngô Thị Hạnh	30	02.02.1987	Nữ	Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Chuyên viên	Không	Đạt	76,4		76,4	Trúng tuyển	
18.	Trần Trung Đức	67	30.09.1992	Nam	Huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Chuyên viên	Không	Đạt	70,4		70,4	Trúng tuyển	
19.	Trần Thị Hoàng Diệp	54	12.02.1997	Nữ	Huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Chuyên viên	Không	Đạt	69,8		69,8	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 3 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 2 chỉ tiêu)
20.	Trần Thị Huyền	66	05.04.1996	Nữ	Huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Chuyên viên	Không	Đạt	62,4		62,4	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 4 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 2 chỉ tiêu)
21.	Trần Thị Hằng	15	15.05.1995	Nữ	Huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Chuyên viên	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
22.	Nguyễn Thị Duyên	52	25.06.1988	Nữ	Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Vinh	Chuyên viên	Không	Đạt	81		81	Trúng tuyển	

23.	Nguyễn Văn Hòa	35	17.02.1999	Nam	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Vinh	Chuyên viên	Không	Đạt	76,2		76,2	Trúng tuyển	
24.	Vũ Văn Tuấn	77	09.10.1995	Nam	Huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Vinh	Chuyên viên	Quân nhân xuất ngũ	Đạt	61,4	2,5	63,9	Không đạt	
25.	Trần Thị Xinh	63	18.09.1997	Nữ	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Bộ môn Đường lối quân sự, Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Vinh	Giảng viên	Không	Đạt	90,8		90,8	Trúng tuyển	
26.	Trần Lam Hạnh	56	16.07.1993	Nữ	Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Bộ môn Đường lối quân sự, Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Vinh	Giảng viên	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
27.	Lê Hà Phương	12	17.01.1999	Nữ	Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên	Con thương binh	Đạt	73,8	5	78,8	Trúng tuyển	
28.	Đào Thị Ngọc Anh	62	25.10.1990	Nữ	Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
29.	Phạm Thị Hồng Anh	71	26.06.1989	Nữ	Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Trung tâm Nội trú	Chuyên viên	Không	Đạt	62,8		62,8	Trúng tuyển	
30.	Nguyễn Vũ Minh Thủy	28	25.10.1996	Nữ	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Kinh tế	Giảng viên	Không	Đạt	85,3		85,3	Trúng tuyển	
31.	Phạm Thị Thanh Huyền	69	06.10.1999	Nữ	Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Kinh tế	Giảng viên	Không	Đạt	79,2		79,2	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 2 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 1 chỉ tiêu)
32.	Nguyễn Thị Hồng Thủy	13	15.09.1985	Nữ	Huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Kinh tế	Giảng viên	Không	Đạt	58,6		58,6	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 3 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 1 chỉ tiêu)
33.	Lê Thị Tuấn Thanh	34	26.12.1997	Nữ	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế	Giảng viên	Không	Đạt	65,2		65,2	Trúng tuyển	
34.	Trần Thu Thủy	73	29.10.1983	Nữ	Huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế	Giảng viên	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
35.	Nguyễn Thị Hà Ngân	03	22.07.1999	Nữ	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Trường Mầm non thực hành	Giáo viên mầm non	Không	Đạt	87,5		87,5	Trúng tuyển	
36.	Phan Thị Quỳnh Trang	57	07.11.1996	Nữ	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Khoa GDMN, Trường Sư phạm	Giảng viên	Không	Đạt	89,4		89,4	Trúng tuyển	

37.	Hoàng Văn Huy	53	05.09.1993	Nam	Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Khoa GDMN, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	45,8		45,8	Không đạt	Điểm thi dưới 50 điểm
38.	Nguyễn Trâm Anh	17	18.05.1999	Nữ	Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Khoa GDTH, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	30,3		30,3	Không đạt	Điểm thi dưới 50 điểm
39.	Nguyễn Thị Phương Thảo	07	23.10.1997	Nữ	Huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Khoa Hóa học, Trường Sư phạm	Giảng viên	Không	Đạt	87,6		87,6	Trúng tuyển	
40.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	43	12.05.1999	Nữ	Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Khoa Ngữ văn, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	50		50	Trúng tuyển	
41.	Nguyễn Thị Hương Giang	72	07.04.1997	Nữ	Huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Khoa Ngữ văn, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
42.	Trần Lê Hà	22	31.10.1996	Nữ	Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Khoa Tin học, Trường Sư phạm	Giảng viên	Không	Đạt	70,4		70,4	Trúng tuyển	
43.	Nguyễn Thị Kim Sang	32	24.01.2001	Nữ	Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Khoa Tin học, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
44.	Nguyễn Chi Dũng	41	09.01.1992	Nam	Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Khoa Toán học, Trường Sư phạm	Giảng viên	Không	Đạt	85,2		85,2	Trúng tuyển	
45.	Dương Lê Ngọc Nam	19	24.02.2001	Nam	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Khoa Toán học, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	80		80	Trúng tuyển	
46.	Nguyễn Chí Bảo	21	25.02.1999	Nam	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Khoa Toán học, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	72,6		72,6	Trúng tuyển	
47.	Nguyễn Thị Vân Anh	49	29.10.2000	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Khoa Toán học, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	61,8		61,8	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 3 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 2 chỉ tiêu)
48.	Nguyễn Đức Tiếp	61	11.11.1999	Nam	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Khoa Toán học, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	50,5		50,5	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 4 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 2 chỉ tiêu)
49.	Phan Khánh Vân	26	22.11.2001	Nữ	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Khoa Toán học, Trường Sư phạm	Trợ giảng	Không	Đạt	50,4		50,4	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 5 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 2 chỉ tiêu)
50.	Đoàn Võ Đức Anh	65	13.10.1996	Nam	Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Tổ THPT, Trường TH, THCS & THPT Thực hành sư phạm	Giáo viên THPT (GV Toán)	Không	Đạt	82		82	Trúng tuyển	

51.	Nguyễn Thị Ngọc Anh	08	18.10.1998	Nữ	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Tổ THPT, Trường TH,THCS&THPT Thực hành sư phạm	Giáo viên THPT (GV Toán)	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
52.	Nguyễn Nghi Phương	68	20.03.2000	Nam	Thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	Tổ Xã hội, Trường TH,THCS&THPT Thực hành sư phạm	Giáo viên THPT (GV Thể dục)	Không	Đạt	50		50	Trúng tuyển	
53.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	09	19.03.1998	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Tổ Ngữ văn - Ngoại ngữ, Trường THPT Chuyên	Giáo viên THPT (chuyên TA)	Không	Đạt	88		88	Trúng tuyển	
54.	Phạm Thị Quỳnh Anh	36	05.06.2002	Nữ	Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Tổ Ngữ văn - Ngoại ngữ, Trường THPT Chuyên	Giáo viên THPT (chuyên TA)	Không	Đạt	75,5		75,5	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 2 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 1 chỉ tiêu)
55.	Phạm Thị Quỳnh Trang	39	24.08.1998	Nữ	Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Tổ Ngữ văn - Ngoại ngữ, Trường THPT Chuyên	Giáo viên THPT (chuyên Văn)	Không	Đạt	88,75		88,75	Trúng tuyển	
56.	Nguyễn Thùy Linh	70	19.08.2002	Nữ	Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Tổ Ngữ văn - Ngoại ngữ, Trường THPT Chuyên	Giáo viên THPT (chuyên Văn)	Không	Đạt	77,5		77,5	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 2 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 1 chỉ tiêu)
57.	Nguyễn Thị Kim Hằng	46	22.09.2002	Nữ	Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Tổ Ngữ văn - Ngoại ngữ, Trường THPT Chuyên	Giáo viên THPT (chuyên Văn)	Không	Đạt	Vắng thi		Vắng thi	Không đạt	
58.	Hồ Hải Yến	29	20.08.1997	Nữ	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Bộ môn Điều dưỡng - Hóa dược, Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường	Trợ giảng	Không	Đạt	83,2		83,2	Trúng tuyển	
59.	Lê Hoài Nam	02	04.09.1999	Nam	Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Bộ môn CNKT Điện, Điện tử, Viện Kỹ thuật và Công nghệ	Trợ giảng	Không	Đạt	80		80	Trúng tuyển	
60.	Nguyễn Hải Yến	23	01.10.1998	Nữ	Huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Bộ môn KHMT và CNPM/Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính, Viện Kỹ thuật và Công nghệ	Trợ giảng	Không	Đạt	84,5		84,5	Trúng tuyển	
61.	Lê Doãn Quyết	76	10.06.1990	Nữ	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Bộ môn KHMT và CNPM/Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính, Viện Kỹ thuật và Công nghệ	Trợ giảng	Con thương binh	Đạt	72,8	5	77,8	Không đạt	Điểm thi xếp thứ 2 theo thứ tự từ cao đến thấp (vị trí tuyển dụng có 1 chỉ tiêu)

62.	Nguyễn Phi Cường Anh	24	17.02.1995	Nam	Huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ô tô, Viện Kỹ thuật và Công nghệ	Giảng viên	Quản nhân xuất ngũ	Đạt	79,2	2,5	81,7	Trúng tuyển	
63.	Phan Quốc Cường	25	20.07.1995	Nam	Huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ô tô, Viện Kỹ thuật và Công nghệ	Giảng viên	Không	Đạt	78,4		78,4	Trúng tuyển	
64.	Bùi Hà Phan	33	09.12.1993	Nam	Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ô tô, Viện Kỹ thuật và Công nghệ	Giảng viên	Không	Đạt	72,2		72,2	Trúng tuyển	
65.	Cao Thị Hào	38	10.02.1990	Nữ	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Cơ sở xây dựng, Khoa Xây dựng	Giảng viên	Không	Đạt	75,1		75,1	Trúng tuyển	Tiếp nhận vào làm viên chức
66.	Phan Huy Thiện	42	19.05.1977	Nam	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Bộ môn Cầu đường, Khoa Xây dựng	Giảng viên	Không	Đạt	80,6		80,6	Trúng tuyển	Tiếp nhận vào làm viên chức
67.	Trần Thị Hải Lê	51	16.11.1984	Nữ	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Khoa Lịch sử, Trường Sư phạm	Giảng viên	Không	Đạt	Đạt		Đạt	Trúng tuyển	Tiếp nhận viên chức chuyển công tác
68.	Ngô Thị Thành	74	26.08.1994	Nữ	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Giảng viên	Không	Đạt	Đạt		Đạt	Trúng tuyển	Tạo nguồn theo chính sách thu hút
69.	Nguyễn Văn Thanh	75	01.08.1984	Nam	Huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Giảng viên	Không	Đạt	Đạt		Đạt	Trúng tuyển	Tuyển dụng theo chính sách thu hút

(Danh sách gồm có 69 người) 